TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2020/DS - PT
Ngày 11- 02 - 2020
V/v: *Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung
Các Thẩm phán: Ông Hà Văn Chương, bà Phạm Ngọc Hà

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Hữu San - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Ông Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 50/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc: *"Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 88/2019/DS - ST, ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2020/QĐ-PT, ngày 15 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1977.

1.2. Chị Ma Thị Thúy L, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Số nhà 02, tổ 9 (tổ 17 cũ), phường K, thành phố X, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hoàng Xuân C, sinh năm 1965.

2.2. Bà Trần Thị Kim Q, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Số nhà 113, tổ 9 (tổ 17 cũ), phường K, thành phố X, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số nhà 111, tổ 9, phường K, thành phố X, tỉnh Tuyên Quang.

3.2. Bà Trịnh Thị Th, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số nhà 115, tổ 9, phường K, thành phố X, tỉnh Tuyên Quang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Trần Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Ngọc H và chị Ma Thị Thúy L trình bày:

Gia đình anh H, chị L là hàng xóm với ông Hoàng Xuân C và bà Trần Thị Kim Q. Năm 2011 gia đình anh xây nhà có hạ đất phía trái sát nhà ông C, ông F và bà Th nhưng không động chạm đến tường rào của các hộ gia đình. Khi gia đình ông C mua đất về có xây lại hàng rào. Ngày 11/5/2018 trời mưa to hàng rào nhà ông C đổ sang nhà anh gây thiệt hại về tài sản cụ thể:

- 01 tường xây bằng gạch đỏ, dài 15m, cao 2m (xây năm 2011), khi xây dựng hết 9.000.000đ, giá trị thiệt hại ước tính khoảng 7.000.000đ.
- Bán mái lợp pluximăng (xây dựng năm 2011), khi xây dựng hết 7.000.000đ, giá trị thiệt hại khoảng 5.000.000đ.
- 01 máy giặt nhãn hiệu Panasonic mua năm 2014, khi mua giá 7.000.000đ, giá trị thiệt hại ước tính khoảng 4.000.000đ.
- Một số vật dụng gia đình khác: 04 chậu cây cảnh, nồi, bát, đường điện nhà xưởng, đường nước và dụng cụ khác ước tính khoảng 500.000đ.

Ngoài ra, sau khi thiệt hại xảy ra, khu vực sinh hoạt phía sau bị ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống như tắm rửa, sinh hoạt phải ở ngoài trời, mỗi lần mưa bị nước ứ đọng trong nhà.

Anh xác định nguyên nhân gây đổ tường là do gia đình ông C xây chồng thêm gạch lên hàng rào cũ và lợp mái chuồng gà lên trên bờ rào để nước mưa lâu ngày chảy xuống chân tường nên tường bị đổ xuống nhà anh. Tại thời điểm xảy ra sự việc trời mưa to và trước đó thời tiết đã mưa mấy ngày. Khi tường nhà ông C, bà Q đổ xuống nhà anh thì anh vừa tắm mưa ở khu vực đó chạy vào bếp, tường nhà ông C, bà Q đổ xuống phần sân phơi và có các dây buộc vào cột gỗ của bếp nên kéo theo mái bếp sập xuống. Lúc này tường nhà ông P và bà Th có bị kéo theo đổ khoảng 1m nhưng anh sợ tường của hai nhà ông P, bà Th tiếp tục đổ nên anh đã dỡ gạch của 02 nhà này xuống vườn nhà họ để đảm bảo độ an toàn. Anh xác định ông P, bà Th không liên quan đến việc này nên anh không kiện ông P, bà Th và không đề nghị Tòa án đưa ông P, bà Th vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Anh yêu cầu ông C, bà Q bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình anh như kết quả thẩm định, định giá tài sản là 9.763.920đ và số tiền 10.000.000đ là tiền do tường rào đổ xuống gia đình anh gây ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống. Tổng số tiền anh chị yêu cầu ông C, bà Q phải bồi thường là 19.763.920đ.

Bị đơn ông Hoàng Xuân C và bà Trần Thị Kim Q trình bày:

Năm 2009, gia đình ông bà mua thửa đất của bà Trịnh Thị Th tại tổ 17, phường K, thành phố X với diện tích 126m^2. Đến năm 2012, gia đình ông bà xây dựng nhà ở với diện tích 80m^2, một phần đất phía trước để làm sân, còn lại phần phía sau để nuôi gà. Phần đất phía sau vẫn giữ nguyên hiện trạng như lúc mua là đã có sẵn tường rào xây hai bên và chắn ngang phía sau. Theo ông bà được biết thì bức tường này đã được bà Trịnh Thị Th xây dựng từ năm 1993 bằng gạch xỉ.

Trước đây khu đất này là một quả đồi nguyên thổ, bên phải nhà ông C, bà Q giáp nhà ông Nguyễn Văn P, bên trái giáp nhà nhà Trịnh Thị Th, phía đằng sau giáp nhà bà Bùi Thị Nh (mẹ đẻ anh Trần Ngọc H). Khi nhà bà Nh làm nhà ở đã múc đất san tả ly sát với tường rào của 03 nhà là nhà ông C bà Q, nhà ông P và nhà bà Th. Gia đình bà Nh đã không xây kè cẩn thận để tránh sạt lở đất, do thời gian dài mưa xói mòn dẫn đến đổ bức tường rào xây trước đó của ba gia đình là nhà ông C bà Q, nhà ông P và nhà bà Th. Khi sự việc xảy ra gia đình ông bà cùng gia đình ông P, bà Th đã đến hỏi thăm và cũng qua hòa giải tại tổ nhân dân nhưng anh H không chấp nhận mà chỉ khởi kiện gia đình ông bà, nên ông bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc H và chị Ma Thị Thúy L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P trình bày:

Gia đình ông ở mảnh đất tại tổ 17, phường K, thành phố X từ năm 1989. Gia đình ông có xây bức tường rào phía sau của thửa đất với chiều ngang khoảng 10m, chiều cao của tường rào không đều nhau mà theo địa hình của thửa đất từ thấp lên cao. Do tường xây đã lâu nên khi gặp trời mưa to gió lớn và bão đã bị đổ về phía nhà anh H với chiều ngang khoảng 2m. Trước đó gia đình ông cũng đã nhiều lần nhắc anh H về việc tường rào có khả năng bị đổ khi gặp trời mưa vì tường xây đã quá cũ để gia đình anh H có biện pháp sửa chữa, khắc phục; gia đình anh H mua mảnh đất hiện nay có tả ly để làm nhà ở nhưng không xây kè; gia đình ông C, bà Q có làm chuồng gà về phía đuôi đất, có đuôi mái dốc về phía nhà anh H, do thời gian đã lâu, nước mưa chảy lâu ngày làm cho bức tường bị đổ xuống, bức tường nhà anh C đổ trước kéo theo bức tường nhà ông đổ một phần (khoảng 1m). Ông không có yêu cầu bồi thường đối với phần tường rào nhà ông bị đổ, theo ông nguyên nhân đổ bức tường này là do tường đã xây lâu năm, hôm xảy ra sự việc trời mưa to. Ông xác nhận về việc anh H xin phép ông đạp đổ bức tường nhà ông về phía trong vườn nhà ông vì sợ bức tường nhà ông tiếp tục đổ xuống nhà anh H, lúc này bức tường nhà ông cũng đã bị đổ khoảng 70cm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Th trình bày:

Năm 1993 gia đình bà xây nhà, sau đó xây tường rào bằng gạch xỉ cao khoảng 2m, dài 9,5m giáp đất nhà ông Trần Ngọc V, sau này ông V bán đất cho nhà anh H và chị H. Sau khi mua đất anh H đã san tả ly để xây nhà, phần đuôi đất nhà anh H giáp với phần đuôi đất của gia đình nhà bà. Hôm mưa to, gió lớn bà đóng cửa ở trong nhà nên bức tường bị đổ bà không biết, sáng hôm sau mẹ anh H có sang nói với bà về việc bức tường của 03 nhà (ông P, ông C, bà Th) đổ sang nhà anh H bị thiệt hại một số tài sản. Bà không biết tường rào nhà ai đổ trước, phần bức tường bị đổ là do hạ tả ly, phần không hạ tả ly thì không bị đổ. Việc anh H đẩy đổ bức tường rào nhà bà vì sợ đổ tiếp vào nhà anh H bà không rõ, không biết anh H có hỏi chồng bà không (hiện nay chồng bà đã chết). Bà không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì và anh H cũng không khởi kiện bà do đó bà từ chối tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Vụ kiện trên đã được Toà án nhân dân thành phố X thụ lý, hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2019/DS – ST, ngày 10/8102019 của Tòa án nhân dân thành phố X quyết định:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 157, 165, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 588, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc H và chị Ma Thị Thúy L.

1. Buộc ông Hoàng Xuân C và bà Trần Thị Kim Q có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Trần Ngọc H và chị Ma Thị Thúy L số tiền 4.881.960đ (*Bốn triệu tám trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm sáu mươi đồng*), làm tròn là 4.882.000đ (*Bốn triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng*). Trong đó ông C phải bồi thường số tiền 2.441.000đ (*Hai triệu bốn trăm bốn mươi mốt nghìn đồng*); bà Q phải bồi thường số tiền 2.441.000đ (*Hai triệu bốn trăm bốn mươi mốt nghìn đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc H và chị Ma Thị Thúy L về yêu cầu bồi thường tiền tường rào đổ làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống với số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

3. Về chi phí thẩm định, định giá: Anh Trần Ngọc H và chị Ma Thị Thúy L phải chịu 1.350.000đ (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*), anh H và chị L đã nộp đủ.

Ông C và bà Q phải chịu 1.350.000đ (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) và phải hoàn trả số tiền này cho anh H, chị L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/10/2019 Tòa án nhận đơn của nguyên đơn anh Trần Ngọc H kháng cáo toàn bộ phần Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 88/2019/DS – ST, ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố X. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử lại vụ án theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa anh Trần Ngọc H trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng Tòa án sơ thẩm chia lỗi 50-50 là không đúng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm buộc ông C, bà Q phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh theo Kết luận định giá tài sản đã xác định. Anh xin rút nội dung kháng cáo về khoản tiền bồi thường 10.000.000đ do tường rào đổ làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của gia đình vì xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của anh đối với khoản tiền trên là đúng, do đó anh không đề nghị HĐXX xem xét nội dung này.

Bị đơn ông Hoàng Xuân C và bà Trần Thị Kim Q trình bày ý kiến không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm buộc vợ chồng ông bà bồi thường cho anh H số tiền 4.881.960đ vì xác định gia đình mình không rõ lỗi trong việc tường rào đổ gây ra thiệt hại cho gia đình anh H. Khi gia đình ông bà mua đất của bà Trịnh Thị Th thì đã có sẵn bức tường do gia đình bà Th xây từ trước. Gia đình ông bà không được xây bức tường đó. Nguyên nhân gây đổ tường rào là do anh H hạ nền xây nhà sát chân tường rào tạo thành ta luy thấp hơn đất nhà ông bà khoảng 2m. Việc anh H hạ nền đất nhà anh H sát tường rào nhà ông bà tạo thành ta luy là đã không tuân thủ nguyên tắc xây dựng. Việc anh H trình bày gia đình ông bà đập tường cũ nhà bà Th để xây lại tường

rào là không đúng, vì bức tường đó là nguyên bản, đã được xây dựng trước khi gia đình ông bà mua đất của bà Th. Sau khi mua đất của bà Th thì ông bà chỉ lợp mái để làm chuồng gà chứ không hề xây dựng gì làm tác động đến kết cấu xây dựng của tường rào.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của anh Trần Ngọc H là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đánh giá nguyên đơn, bị đơn đều có một phần lỗi trong vụ án này là đúng quy định, nguyên đơn mặc dù có xây tường bao nhưng không tuân thủ quy định của Bộ luật dân sự về giữ khoảng cách an toàn với bất động sản liền kề, tường xây của gia đình nguyên đơn là tường 110mm không đảm bảo an toàn, là một phần nguyên nhân dẫn đến bức tường rào gia đình ông C bà Q đổ, vì vậy đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Ngọc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1}. Đối với nội dung kháng cáo về việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện về khoản tiền bồi thường 10.000.000đ do tường rào đổ làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của gia đình. Tại phiên tòa phúc thẩm anh H đã tự nguyện rút phần kháng cáo đối với nội dung này. Do đó HĐXX căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo yêu cầu bồi thường 10.000.000đ do tường rào đổ làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống gia đình của nguyên đơn.

{2}Đối với nội dung kháng cáo: Cấp sơ thẩm xác định anh có một phần lỗi là không đúng, HĐXX thấy rằng: Ngày 11/5/2018 khi trời mưa bức tường của gia đình ông C, bà Q đổ xuống phía nhà anh H, chị L gây thiệt hại tài sản cho gia đình anh H chị L theo Kết luận định giá là 9.763.920đ. Về diễn biến sự việc, giá trị tài sản thiệt hại đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành định giá, quá trình giải quyết các bên đều thừa nhận kết quả định giá, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định diễn biến sự việc, giá trị thiệt hại của nguyên đơn là phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án.

Về nguyên nhân gây đổ bức tường, lỗi của các bên HĐXX thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Ngọc H, chị L cùng xác định năm 2011 khi làm nhà anh H, chị L đã múc đất, san hạ Ta luy làm nền nhà sát với tường rào của ba nhà gồm nhà ông C, bà Q, nhà bà Th, nhà ông P, sau khi san ủi đã xây kè theo ranh giới thửa đất giữa gia đình anh với ranh giới đất của 03 gia đình liền kề. Phía bị đơn ông C bà Q cho rằng: Năm 2009 gia đình ông C

bà Q mua đất của bà Trịnh Thị Th đã có sẵn bức tường rào do bà Th xây bằng gạch xỉ. Năm 2012 ông bà xây nhà trên diện tích 80m^2, còn lại phía trước làm sân, phía sau để chăn nuôi gà được giữ nguyên như hiện trạng ban đầu. Ông bà được biết nhà bà Nh cũng mua đất làm nhà bà đã múc đất, san hạ tả ly để làm nền nhà sát với đất của nhà ông bà, nhà ông P và nhà bà Th, nhưng gia đình bà Nh không xây kè cẩn thận để tránh sạt lở, do thời gian mưa sói mòn dẫn đến sạt lở đất, đổ tường rào.

Tại báo cáo Giám định sự cố công trình của Chi cục giám định xây dựng – trung tâm giám định chất lượng xây dựng ngoài việc xác định về nguyên nhân, báo cáo giám định còn có bản vẽ "*Mặt bằng hiện trạng*" thể hiện phía sân nhà anh H (Phần tiếp giáp với đất nhà ông C bà Q) có tường rào xây gạch đỏ chiều dài 7,5m, tiếp đó là đến tường xây gạch bê tông nhà ông C (bút lục 150); tại "*Mặt cắt A-A Hiện trạng*" (bút lục 151) thể hiện bức tường xây gạch đỏ nhà anh H chị L có chiều cao 1,25m, tường 110mm không thể hiện có giật cấp hay bổ trụ; được xây dựng ốp sát vào phần đất nhà ông C bà Q, tiếp đến phía bên trên là tường xây gạch bê tông nhà ông C bà Q có chiều cao 1,670m.

Như vậy có căn cứ xác định sau khi san ủi, hạ nền để làm nhà, anh H chị L đã thực hiện việc xây kè tường bằng gạch đỏ có chiều cao 1,25m, tường 110mm, chạy dọc theo phần đất tiếp giáp nhà ông C, ông P, bà Th với mục đích để đảm bảo an toàn công trình cho những hộ liền kề. Tuy nhiên việc anh H xây tường cao, không có giật cấp, không có bổ trụ dẫn đến không đảm bảo độ chắc chắn đối với bức tường.

Tại báo cáo kết luận giám định số 151^A/KL – TTGĐCLXD ngày 20/12/2018 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng – Chi cục giám định xây dựng Sở Xây dựng Tuyên Quang kết luận:

"...Nguyên nhân dẫn tới hàng rào bị đổ:

- Thứ nhất: Do hàng rào bị đổ đã xây dựng lâu năm (Hàng rào không có lớp vữa trát, xây bằng gạch xi măng, vữa tam hợp), kết cấu và liên kết giữa vữa xây và các viên gạch không đảm bảo, cộng thêm tải trọng gió hoặc ngoại lực tác dụng dẫn đến hiện tượng mất ổn định gây ra đổ bờ rào.

- Thứ hai: Tường rào có móng nông, thời gian xảy ra sự cố trời mưa nhiều làm nước thay đổi tính chất cơ lý của đất dưới móng hàng rào dẫn đến khả năng chịu lực của nền móng giảm, áp lực chắn tăng là nguyên nhân chính dẫn đến sự cố đổ bức tường và phần kè chắn đất phía sau. Khi sảy ra sự cố không có biên bản làm việc nên không xác định bức tường của ba hộ gia đình nêu trên bức tường nào đổ trước....Theo đánh giá của chúng tôi điểm suy yếu nhất của bức tường là phần đất hộ gia đình ông Hoàng Xuân C và bà Trần Thị Kim Q (Do toàn bộ nước mưa phần ái chuồng gà lợp tôn và phibro xi măng không có hệ thống thu nước nên lượng nước tác động vào móng tường rào lớn)".

Như vậy HĐXX thấy rằng có đủ căn cứ xác định nguyên nhân dẫn đến bức tường nhà bà Q ông C đổ sang nhà anh H là do tường rào đã xây dựng lâu năm, tường rào có móng nông, trời mưa nhiều làm nước thay đổi tính chất cơ lý của đất dưới móng hàng rào dẫn đến khả năng chịu lực của nền móng giảm, áp lực chắn tăng là nguyên nhân dẫn đến sự cố đổ bức tường và phần kè chắn đất phía sau điểm suy yếu nhất của bức tường là phần ở hộ nhà ông C, bà Q.

Mặt khác khi thực hiện việc đào đất làm nhà, gia đình anh H đã không tuân thủ quy định về giữ khoảng cách với bất động sản liền kề, anh H đào, hạ thấp đất đến sát chân móng tường rào của nhà ông C và bà Q, ông P, bà Th: Điều 273 Bộ luật Dân sự 1995 quy định về nghĩa vụ bảo đảm an toàn đối với công trình xây dựng liền kề như sau:

"*Khi đào giếng, đào ao hoặc xây dựng các công trình dưới mặt đất, chủ sở hữu công trình phải đào, xây cách mốc giới một khoảng cách do pháp luật về xây dựng quy định*"

Điều 268 Bộ luật dân sự 2005 quy định: "*Khi đào giếng, đào ao, hoặc xây dựng công trình dưới mặt đất chủ sở hữu phải đào, xây cách mốc giới một khoảng cách do pháp luật về xây dựng quy định*". Việc anh H khi xả để làm nhà đã hạ nền xuống sâu hơn mặt đất các hộ liền kề 1,35m và hạ đến sát móng tường rào của các hộ ông C bà Q, ông P bà Th là đã không đảm bảo đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định của bộ luật dân sự, .

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đánh giá nguyên đơn có một phần lỗi là đúng quy định, tại cấp phúc thẩm anh H không xuất trình được tình tiết chứng cứ gì mới, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Trần Ngọc H, HĐXX phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung này.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 308, Điều 148; điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh Trần Ngọc H đối với nội dung không nhất trí với quyết định của Bản án sơ thẩm về việc: "*Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc H, chị Ma Thị Thúy L về yêu cầu bồi thường tiền tường rào đổ làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống, số tiền 10.000.000đ*".

2. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Trần Ngọc H, giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 88/2019/DS – ST, ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố X như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc H và chị Ma Thị Thúy L buộc ông Hoàng Xuân C, bà Trần Thị Kim Q có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Trần Ngọc H và chị Ma Thị Thúy L số tiền 4.882.000đ trong đó ông C phải bồi thường 2.441.000đ, (hai triệu bốn trăm bốn mốt nghìn đồng) bà Q phải bồi thường 2.441.000đ (*Hai triệu bốn trăm bốn mốt nghìn đồng*).

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Anh H phải chịu 1.350.000đ; ông C bà Q phải chịu 1.350.000đ số tiền này anh H đã nộp tạm ứng do đó buộc ông C bà Q có nghĩa

vụ trả cho anh H số tiền này trong đó ông C, bà Q mỗi người phải trả cho anh H 675.000đ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm ông Hoàng Xuân C, bà Trần Thị Kim Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) trong đó ông C phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), bà Q phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Trần Văn H chị Ma Thị Thúy L phải chịu 774.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Trừ vào số tiền 662.500đ anh H đã nộp tại các biên lai 0000005 ngày 26/7/2018 và biên lai số 0002915 ngày 05/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X, anh H chị L còn phải nộp 81.500đ trong đó anh H phải chịu 41.000đ (bốn mốt nghìn đồng), chị L phải chịu 40.500đ (bốn mươi nghìn năm trăm đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0002984 ngày 28/10/2019 của chi cục thi hành án dân sự thành phố X. Anh H đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 11/02/2020).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố X;
- Chi cục THADS thành phố X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ma Ngọc Trung